

TỈNH KIÊN GIANG

THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH TRƯỚC SẮP XẾP VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH

(Kèm theo Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh)

TT	Tên ĐVHC	Diện tích tự nhiên		Quy mô dân số		Quy mô kinh tế			Số ĐVHC cấp xã trước sắp xếp	Số ĐVHC cấp cơ sở trực thuộc				Yếu tố đặc thù (nếu có)
		Diện tích (km ²)	Tỷ lệ (%)	Quy mô dân số (người)	Tỷ lệ (%)	GRDP (triệu VNĐ)	Tổng thu NSNN (triệu VNĐ)	Thu nhập bình quân đầu người (triệu VNĐ/năm)		Xã	Phường	Đặc khu	Tổng	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Hiện trạng													
1	Tỉnh Kiên Giang	6.352,08	127,04	2.210.387	157,88	144.575.028	17.866.588	61,70	143	41	4	3	48	
2	Tỉnh An Giang	3.536,83	70,74	2.741.851	195,85	126.770.855	8.412.547	50,00	155	44	10	0	54	
II	Kết quả													
	Tỉnh An Giang	9.888,91	197,78	4.952.238	353,73	271.345.883	26.279.135		298	85	14	3	102	

Ghi chú: Số liệu được tính đến thời điểm ngày 31/12/2024.